

Số: 112/BC-UBND

Thanh Trị, ngày 09 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

**Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm
và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022
trên địa bàn huyện Thanh Trị**

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) trên địa bàn;

Căn cứ Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022;

Căn cứ Chương trình số 366 /CTr-UBND ngày 19/5/2022 của UBND huyện Thanh Trị ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022;

Thực hiện Công văn số 2060/STC-TT ngày 31/5/2022 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng về việc báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2022.

Ủy ban Nhân dân huyện Thanh Trị báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm chống lãng phí

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Ủy ban Nhân dân huyện đã cụ thể hóa bằng Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022; Đồng thời chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai sâu rộng trong cán bộ công chức của các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn, cụ thể như sau:

1. Việc xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP năm 2022 là yếu tố quan trọng nhằm tạo nguồn lực góp phần khắc phục hậu quả của dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, tạo đà khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. Vì vậy công tác tổ chức THTK, CLP trọng tâm cần triển khai các nhiệm vụ:

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính – ngân sách, quản lý chặt chẽ thu, chi ngân sách nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ, tạo sự chuyển biến rõ rệt chống thất thu, giảm nợ đọng thuế, chuyên giá; kiểm soát chặt chẽ và thực hiện điều hành chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán được giao; thực hiện nghiêm kế

hoạch tài chính ngân sách 03 năm của địa phương; triệt để tiết kiệm chi ngân sách, chủ động trong lồng ghép các chính sách, xây dựng phương án tiết kiệm; quản lý chặt chẽ và hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước và chi chuyển nguồn sang năm sau.

Thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch và triệt để tiết kiệm, chống lãng phí từ khâu xác định nhiệm vụ. Tập trung thúc đẩy tiến độ thực hiện và giải ngân vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, phấn đấu giải ngân đảm bảo hoàn thành kế hoạch vốn năm 2022 được giao.

Quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công theo đúng quy định Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Chống lãng phí trong mua sắm tài sản công thông qua chế độ, tiêu chuẩn, định mức và việc triển khai đồng bộ, có hiệu quả các phương thức mua sắm tập trung, mua sắm thông qua mạng đấu thầu rộng rãi.

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Triển khai quyết liệt công tác sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu quả, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2. Tăng cường công tác chỉ đạo THPTK, CLP từ cấp huyện đến cấp xã. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; người đứng đầu tổ chức sử dụng ngân sách địa phương trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THPTK, CLP; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện THPTK, CLP. Căn cứ Chương trình tổng thể về THPTK, CLP năm 2022 của huyện, từng cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp lĩnh vực phụ trách, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, trên cơ sở phân công rõ ràng trách nhiệm từng cán bộ, công chức, viên chức; nghiêm túc thực hiện chế độ công khai tài chính, tài sản, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và chấp hành chế độ báo cáo đúng thời gian quy định.

3. Thực hiện tuyên truyền sâu rộng và có hiệu quả các văn bản về chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ, Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/02/2014.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong THPTK, CLP: Tổ chức thông tin, phổ biến pháp luật về THPTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THPTK, CLP thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị quán triệt, tập huấn để tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong doanh nghiệp nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THPTK, CLP; qua đó, đã tăng cường hiểu biết pháp luật,

nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, có những hành động và việc làm cụ thể tạo sự chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, năng suất, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THTK, CLP; bảo vệ người cung cấp thông tin; tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm công vụ; đặc biệt chú trọng nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo THTK, CLP.

5. Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức Đoàn thể để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm về THTK, CLP. Đẩy mạnh giám sát đầu tư cộng đồng thông qua việc nâng cao hiệu quả của Ban Giám sát đầu tư cộng đồng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường vai trò của người dân trong việc theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư.

6. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THTK, CLP, đối với những vi phạm được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong THTK, CLP.

7. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan HCNN các cấp trong công tác cải cách TTHC theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện tốt việc niêm yết, đăng tải công khai TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị và trên Cổng, trang thông tin điện tử.

II. Tình hình, kết quả thực hành, chống lãng phí

1. Đánh giá kết quả đạt được theo từng lĩnh vực quy định trong Luật thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí

1.1. Trong quản lý kinh phí chi thường xuyên

Các đơn vị thực hiện tự chủ xây dựng và triển khai thực hiện các quy chế quản lý nội bộ tại cơ quan đơn vị để mọi cán bộ, công chức, tuân thủ thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và có căn cứ giám sát thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng lao động, kinh phí, nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ công chức, thực hiện công khai dân chủ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ công chức; quy định rõ trách nhiệm, xử lý nghiêm người đứng đầu cơ quan tổ chức nếu xảy ra tham nhũng lãng phí theo quy định của pháp luật.

Triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách; tiết kiệm và cắt giảm bình quân 10% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế

tôi đa tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu đảm bảo phục vụ yêu cầu công tác và dành nguồn phòng chống, khắc phục hậu quả của dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu. Bổ sung kinh phí đối với nhiệm vụ phát sinh trong năm thuộc nguồn NSNN phải đảm bảo khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc đã được phê duyệt chủ trương thực hiện; giao dự toán kinh phí chi ngân sách và có nguồn từ NSNN cho nhiệm vụ phát sinh đảm bảo tiết kiệm, ở mức tối thiểu cần thiết theo nội dung nêu trên.

Thực hiện công khai dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước như: Công khai dự toán, quyết toán kinh phí đơn vị sử dụng ngân sách, nguồn quỹ nhân dân đóng góp, công khai quy hoạch, kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản thông qua Hội đồng Nhân dân huyện theo đúng quy định. Thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với 19/19 cơ quan quản lý hành chính nhà nước; Nghị định 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 của Chính phủ, huyện có 10 xã, thị trấn thực hiện tự chủ và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập 43/43 đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm sự nghiệp giáo dục có 36 trường trực thuộc phòng Giáo dục và đào tạo); Kết quả triển khai thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, Nghị định 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 của Chính phủ, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; các đơn vị tiết kiệm từ kinh phí giao khoán, giao tự chủ, tiết kiệm chi kinh phí hoạt động thường xuyên như: điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, công tác phí,... dự kiến tiết kiệm tăng thu nhập cho cán bộ công chức 6 tháng đầu năm: 1.864 triệu đồng.

Thực hiện Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg, ngày 09/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ hội họp trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước: Các ngành, các cấp luôn xem xét cân nhắc và lồng ghép nội dung triển khai hội nghị, nội dung thiết thực, xác định rõ thành phần, số lượng đại biểu tham dự, địa điểm, thời gian tổ chức gửi trước văn bản đề các ngành, các xã (TT) nghiên cứu, đóng góp bảo đảm tiết kiệm, có hiệu quả thiết thực. Tăng cường thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Chỉ thị số 30/CT-TTg, ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, khánh tiết, hội nghị, công tác phí theo Công văn số 6890/BTC-HCSN, ngày 23/5/2012 của Bộ Tài chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc họp, hội nghị theo Công văn số 1672/CT.UBND-HC, ngày 15/11/2012 và Công văn số 873/CTUBND-HC, ngày 04/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp về THTK, CLP, tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền cũng như thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP. Từ đầu năm đến

nay đã tiến hành thanh tra 04/05 cuộc, đạt 80% theo kế hoạch (trong đó: 02 cuộc thanh tra kinh tế - xã hội về chính sách hỗ trợ kinh doanh, người lao động không có giao kết hợp đồng lao động, gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính Phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; 02 cuộc thanh tra trách nhiệm về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, kiến nghị, phản ánh, hòa giải tranh chấp đất đai và phòng, chống tham nhũng), đã ban hành kết luận thanh tra 03/04 cuộc, 01 cuộc đang trong thời gian thanh tra. Qua kết luận các cuộc thanh tra, Đoàn thanh tra đã kiến nghị Chủ tịch UBND huyện thu hồi số tiền 12.377.000đ.

1. 2. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

Triển khai thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách, Luật Xây dựng, các Nghị định, Thông tư và văn bản có liên quan hướng dẫn về đầu tư xây dựng cơ bản; Triển khai thực hiện ngay Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 khi được cấp thẩm quyền giao; đẩy nhanh tiến độ đền bù, giải phóng mặt bằng; thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu thầu, áp dụng rộng rãi đấu thầu qua mạng, bảo đảm khách quan, công khai minh bạch. Theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công kịp thời giải quyết khó khăn vướng mắc.

Thực hiện đúng các thủ tục đấu thầu, công khai theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đấu thầu và pháp luật có liên quan; thực hiện nghiêm túc các quy trình giám sát, quản lý chặt chẽ ngay từ khâu khảo sát, thiết kế giải pháp thi công, thẩm định dự án nhằm chống lãng phí; không để phát sinh thêm và xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản; tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và thời hạn giải ngân, sử dụng vốn hiệu quả.

Trong năm 2022, tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật đầu tư công; Kế hoạch đầu tư công năm 2022. Xây dựng và triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 – 2025. THTK, CLP thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tất cả các khâu trong quá trình đầu tư, bảo đảm công khai, minh bạch trong đấu thầu thông qua tăng cường đấu thầu rộng rãi, công khai, hạn chế tối đa việc chỉ định thầu các dự án đầu tư.

Thực hiện tiết kiệm từ 10% tổng mức đầu tư đề ra theo Nghị quyết 89/NQ-CP; giảm trong đấu thầu, bỏ chi phí nhà tạm, một số chi phí không thực hiện (kiểm toán, chi phí hạng mục chung). Kết quả, 06 tháng đầu năm tiết kiệm 631,615 triệu đồng

1.3. Quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài sản công

Tiếp tục triển khai, thực hiện tốt Luật quản lý, sử dụng tài sản công; các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Công văn số 330/UBND-TH ngày 05/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện việc mua sắm tập trung đối với những hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải mua sắm tập trung theo Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức nhà nước thực hiện quản lý và sử dụng trụ sở làm việc, đất thuộc khuôn viên trụ sở làm việc cơ quan, đơn vị, tổ chức đúng quy định hiện hành; đẩy nhanh tiến độ phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước và trụ sở cũ của các cơ quan tổ chức, đơn vị đã được đầu tư xây dựng trụ sở mới.

Triển khai rà soát diện tích đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định có biện pháp bố trí sắp xếp lại cho hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, bổ sung vào đề án gửi tỉnh phê duyệt theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP, ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

1.4. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên

- Lĩnh vực đất đai:

Tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Thạnh Trị: Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện đã được UBND phê duyệt tại Quyết định 977/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 và đã tổ chức triển khai thực hiện công bố công khai sau phê duyệt.

Tham mưu Ủy ban Nhân dân huyện tiến hành triển khai công tác Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021- 2030 huyện Thạnh Trị. Đến nay công tác Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021- 2030, đã thông qua dự thảo báo cáo, hoàn thiện trình Hội đồng thẩm định.

Đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch sử dụng đất như công tác giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các công trình dự án trọng điểm của huyện. Quản lý sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng trình tự.

- Lĩnh vực quản lý, khai thác sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường: Thực hiện theo thông báo số 01/TB.ĐKT ngày 29/4/2022 của phòng Tài nguyên và Môi trường, đoàn kiểm tra môi trường tiến hành kiểm tra môi trường năm 2022. Đoàn kiểm tra triển khai thực hiện kiểm tra 08 xã, thị trấn và 18 cơ sở sản xuất kinh doanh qua kiểm tra các cơ sở đều chấp hành đúng quy định về bảo vệ môi trường. Các cơ sở đều chấp hành tốt theo cam kết và kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

- Kiện toàn Tổ kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản, đất làm vật liệu thông thường và tổ chức kiểm tra xử lý đúng quy định pháp luật.

1.5. Thành lập các quỹ tài chính có nguồn từ ngân sách Nhà nước

Thực hiện nghiêm việc quản lý các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách theo đúng Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Đổi mới cơ chế tài chính của các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách từng bước theo mô hình tự đảm bảo chi phí hoạt động.

1.6. Quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

Việc cải cách chế độ công vụ, công chức đã được các cơ quan Hành chính - Sự nghiệp huyện và xã, thị trấn tiếp tục triển khai thực hiện; trong đó, tập trung hoàn thiện thể chế, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử, phần mềm quản lý kế toán, tài sản tại đơn vị, hệ thống tiêu chuẩn, chức danh ngạch. Thực hiện chính sách tinh giản biên chế gắn với công tác đánh giá để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

Thực hiện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Kế hoạch số 45/UBND-KH ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả như sau:

*** Sắp xếp tổ chức bộ máy**

Đối với cơ quan hành chính

- Trong 6 tháng đầu năm 2022 các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện không có sắp xếp, hiện có 12/12 cơ quan. Tổng số biên chế hiện có là 82/85, trong đó: Trưởng phòng 12, Phó Trưởng phòng 21, Chuyên môn 49.

Đối với đơn vị sự nghiệp

- **Sự nghiệp VH-TT:** Tham mưu UBND huyện xây dựng Đề án hợp nhất Trung tâm VH-TT-TT huyện với Đài truyền thanh huyện.

- **Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo:** Từ đầu năm đến nay chưa có sắp xếp tổ chức, tổng số hiện có là 37/37 đơn vị trong đó: 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện và 36 trường học.

- **Sự nghiệp khác:** Chưa sắp xếp tổ chức hiện có 03/03 đơn vị (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện; Đội Quản lý bến xe Thanh Trì, Cơ sở sản xuất cung ứng cá lúa giống).

*** Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ;** Trên cơ sở Đề án tinh giản biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp và UBND xã, thị trấn, UBND huyện đã xây dựng Đề án số 51/ĐA-UBND, ngày 26/8/2015 của UBND huyện, đồng thời Đề án cũng được UBND tỉnh phê duyệt (Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 14/4/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng). Trong 6 tháng đầu năm 2022 tinh giản biên chế 06 người (Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo), với tổng số tiền: 1.560.646.000đ.

Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế. Chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương hành chính; thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao

động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo công việc của cán bộ công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị theo đúng tinh thần Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện sắp xếp theo đúng đề án vị trí việc làm, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đúng với chuyên môn, ngành nghề được đào tạo, phát huy hết năng lực, sở trường, góp phần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về thời gian, nguồn lực lao động, sử dụng lao động và thời gian lao động hợp lý, có hiệu quả.

2. Đánh giá kết quả đạt được

Xác định công tác THTK, CLP là một trong những giải pháp quan trọng nhằm góp phần thực hiện tốt phát triển kinh tế của địa phương, thời gian qua, UBND huyện Thạnh Trị đã tích cực triển khai thực hiện công tác THTK, CLP đến cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên tuyên truyền phổ biến các Luật, Nghị quyết, Nghị định, Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Qua đó khắc phục những hạn chế yếu kém, ngăn chặn và đẩy lùi thực trạng lãng phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, tạo sự ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Các cơ quan, đơn vị, các xã thị trấn xây kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phù hợp nhiệm vụ chuyên môn, lĩnh vực phụ trách; trên cơ sở đó thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính mới; đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tạo điều kiện cho cán bộ, công chức giám sát, xây dựng phương án chi trả thu nhập trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện tốt công tác công khai tài chính, góp phần cải tiến lề lối làm việc và cải cách hành chính.

III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng cuối năm 2022

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực THTK, CLP. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, đặc biệt là đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

2. Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến đẩy mạnh việc thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh, huyện về liên quan đến công tác THTK, CLP.

3. Tăng cường công tác tổ chức THTK, CLP như tiếp tục rà soát các dự án, kế hoạch ngay từ chủ trương đầu tư nhằm đảm bảo yêu cầu tiết kiệm và hiệu quả; các đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số

60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; thực hiện hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công và nâng cấp Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công để từng bước cập nhật, quản lý thông tin của tất cả các tài sản công được quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Tập trung chỉ đạo các cơ quan Hành chính - Sự nghiệp thuộc UBND huyện, UBND các xã (TT) thực hiện nghiêm túc tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó đặc biệt chú ý đến các lĩnh vực quan trọng như: tài chính ngân sách, đầu tư công, quản lý và sử dụng đất đai; sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên,...đảm bảo hiệu quả, thiết thực đúng quy định của pháp luật.

5. Đẩy mạnh cải cách hành chính, thường xuyên kiểm tra cải cách hành chính và thực thi công vụ của cán bộ công chức. Thường xuyên kiểm soát chất lượng thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, kịp thời chuyển tải thông tin tới người dân và doanh nghiệp về cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và công khai địa chỉ email, số điện thoại của các cơ quan, đơn vị để người dân, doanh nghiệp biết khi cần phản ánh.

6. Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế, chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương hành chính; Thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo công việc của cán bộ công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị theo đúng tinh thần Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện sắp xếp theo đúng đề án vị trí việc làm, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đúng với chuyên môn, ngành nghề được đào tạo, phát huy hết năng lực, sở trường, góp phần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về thời gian, nguồn lực lao động, sử dụng lao động và thời gian lao động hợp lý, có hiệu quả.

Thực hiện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Kế hoạch số 45/UBND-KH ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

7. Phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các cơ quan thông tin đại chúng trong việc phát hiện, đưa tin phê phán các hành vi gây lãng phí; biểu dương những gương tốt trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để đề xuất hình thức khen thưởng phù hợp.

8. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các văn bản quy định của pháp luật về THPT, CLP, đồng thời xây dựng kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra về phòng chống tham nhũng, lãng phí và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm từ đó góp phần siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính, tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm trong hoạt động công vụ.

Trên đây là báo cáo kết quả tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 trên địa bàn huyện Thanh Trì./. *le*

Nơi nhận: *W*

- Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TT. UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các ban ngành cấp huyện;
- UBND các xã (TT);
- Lưu VP (NC, LT).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trương Vũ Phương



Phụ lục số 02

Mẫu biểu theo dõi, tổng hợp kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của huyện Thạnh Trị

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: 06 tháng đầu năm 2022

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	4	5	4	100	80	
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	65,67		12,377			
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chi đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng		-	-			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
						7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1	2	3	4	5	6			
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng						Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoản chi được duyệt
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng						
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	4.615		1.864	40		
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	72		72	100		
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		6		6	100		
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	6		6			
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	4.193	-	632	-	-	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	1.623		631.615			
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	2.570					
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc	m2	47.994	-	47.994			
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	47.994		47.994			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ		1.164		1.164			
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	1.164		1.164			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						

[illegible]

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						